TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 4 - 2023
V/v: "Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhi, ông Lương Tấn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa:– Ông Hà Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HGNĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Đ, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

(Cùng có mặt)

- Người có QLNVLQ:

1. Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T;
2. Ngân hàng P – Chi nhánh huyện T;
3. N, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai;

(Cùng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn T trình bày:*

Nguyên bà T và ông Đ là vợ chồng, có 01 con chung tên là B – sinh ngày 11/9/2015 và có một số tài sản chung, nợ chung. Vào năm 2020, hai bên ly hôn. Tại Bản án số 87/2020/HNGĐ-ST, ngày 31/12/2020 của TAND huyện Tây Hòa xét xử cho hai bên ly hôn, giao con cho bà T nuôi, ông Đ không phải cấp dưỡng

nuôi con. Đối với tài sản chung, nợ chung do không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

Nay, bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản và nợ, cụ thể như sau:

1. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T xin tiếp tục nuôi con chung B, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

2. Về tài sản chung và nợ:

- Tài sản chung: Ông Đ, bà T có nhà, đất tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AG 495561 ngày 22/9/2009 cho Đ, T. Hiện nay nhà, đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ quản lý. Có số tiền 40.000.000đ, là tiền ông Đ đi làm về đưa cho bà T quản lý.

- Về nợ: Hai bên có nợ của Ngân hàng P – Chi nhánh huyện T số tiền 90.000.000đ, hiện ông Đ đã trả xong; nợ Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T số tiền 50.000.000đ, hiện bà T đã trả xong.

Bà T có nợ của ông N số tiền 20.000.000đ, thống nhất ông Đ trả số nợ này cho ông N.

Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, bà T, ông Đ thống nhất nhà, đất có tổng trị giá 470.000.000đ, thống nhất giao cho ông Đ sở hữu, sử dụng, sau khi tính toán số tiền 40.000.000đ bà T đang quản lý và các khoản nợ mà các bên đã trả nói trên thì ông Đ phải trả cho bà T số tiền: 175.000.000đ. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về tài sản của bà T, ông Đ.

Ngoài ra, bà T có vay của Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T số tiền 30.000.000đ. Đây là nợ riêng của bà T và hiện chưa đến hạn trả nợ nên bà T sẽ thực hiện việc trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng, không yêu cầu tòa giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn Đ trình bày:*** Bà T, ông Đ là vợ chồng, có con chung, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng đúng như bà T khai.

Nay, bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Đ không đồng ý. Ông Đ đề nghị bà T nuôi con thì tự nuôi, ông Đ không cấp dưỡng; nếu bà T không nuôi con thì giao ông Đ nuôi, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Thống nhất có tài sản và các khoản nợ, thống nhất việc phân chia tài sản như bà T khai, đề nghị Tòa án công nhận.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**Người có QLNVLQ Ngân hành C – Phòng Giao dịch huyện T trình bày:* Vợ chồng bà T, ông Đ vay của Ngân hành C số tiền 50.000.000đ. Đến ngày 09/02/2022, bà T trả dứt điểm số nợ nói trên nên không yêu cầu gì. Ngoài ra, bà T vay riêng của Ngân hàng C số tiền 30.000.000đ, đến nay chưa đến hạn trả nợ. Ngân hàng thống nhất không khởi kiện, tạo điều kiện để bà T trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng các bên đã ký kết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**Người có QLNVLQ Ngân hàng P – Chi nhánh huyện T trình bày:* Vợ chồng bà T, ông Đ vay của Ngân hàng P số tiền 90.000.000đ, có thế chấp quyền

sử dụng đất đứng tên bà T, ông Đ. Sau đó, đã trả xong số nợ này nên không yêu cầu gì.

** Người có QLNVLQ N trình bày:* Bà T có mượn của ông N số tiền 20.000.000đ, thống nhất việc ông Đ trả cho ông N, không yêu cầu tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn: Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hân số tiền 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 02/2023 đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung *(sau khi đã trừ các khoản nợ)* của các đương sự: Giao cho ông Đ sử dụng đất, sở hữu tài sản trên đất; giao cho bà T sở hữu số tiền 40.000.000đ; ông Đ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 175.000.000đ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Bà T, ông Đ là vợ chồng, chung sống có mâu thuẫn và đã ly hôn từ năm 2020. Tại Bản án số 87/2020/HNGĐ-ST, ngày 31/12/2020 của TAND huyện Tây Hòa xét xử cho hai bên ly hôn, giao con chung B cho bà T nuôi, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung, nợ chung do không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

Nay, bà T có đơn kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung sau ly hôn, Tòa án tiến hành giải quyết theo thẩm quyền.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bản án số 87/2020/HNGĐ-ST, ngày 31/12/2020 của TAND huyện Tây Hòa đã giao con chung B, sinh ngày 11/9/2015 cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay, bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông Đ thống nhất việc bà T tiếp tục nuôi con nhưng phải tự nuôi, ông Đ không cấp dưỡng; nếu bà T không nuôi con thì giao ông Đ nuôi, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét: Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định rõ người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng bà T yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận: Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung tên B số tiền 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung chung, nợ: Ông Đ, bà T thống nhất tài sản gồm có nhà, đất tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, đã được cấp giấy chứng nhận QSD số AG 495561 ngày 22/9/2009 cho Đ, T và có số tiền 40.000.000đ, là tiền ông Đ đi làm về đưa cho bà T; đồng thời thống nhất việc các bên đã trả xong nợ chung cho Ngân hàng P, Ngân hàng C; thống nhất ông Đ trả số nợ 20.000.000đ của ông N, thống nhất giao toàn bộ nhà đất cho ông Đ sở hữu, sử dụng, sau khi tính toán số tiền 40.000.000đ bà T đang quản lý và các khoản nợ nói trên, thì ông Đ còn phải trả cho bà T số tiền: 175.000.000đ. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện T trình bày bà T, ông Đ đã trả xong khoản nợ chung; đối với nợ riêng của bà T cũng không yêu cầu mà để các bên thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết nên không xét.

[6] Ngân hàng P – Chi nhánh huyện T trình bày ông Đ, bà T đã trả xong nợ, không yêu cầu gì nên không xét.

[7] Đối với số tiền 20.000.000đ bà T nợ ông N: Các bên thống nhất ông Đ trả cho ông N, tính trừ vào tài sản để phân chia như trên. Ông N thống nhất việc ông Đ trả nợ cho ông, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[8] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ.

Án phí đối với tài sản chung: Xét thấy các bên đã thỏa thuận phân chia về tài sản chung, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên ông Đ, bà T không phải chịu án phí theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí lệ phí Tòa án.

[9] Về chi phí định giá, thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí là 7.000.000đ, ông Đ, bà T, mỗi người phải chịu: 3.500.000đ. Bà T đã nộp tạm ứng số tiền 7.000.000đ nên ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà T: 3.500.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59, 62, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung B, sinh ngày 11/9/2015 số tiền: 1.000.000đ/tháng *(Một triệu đồng/tháng)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 đến khi chấp dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Giao cho ông Đ được sử dụng đất, sở hữu nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất, cụ thể như sau:

- Giao ông Đ sử dụng thửa đất số 221 (1), tờ bản đồ 35-A, có diện tích 240m^2; gồm: 100m^2 đất ONT, 140m^2 đất HNK.

Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AG 495561, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số: H03429, ngày 22/9/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa cấp cho ông Đ, bà T. Đất tọa lạc tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có giới cận: Phía đông giáp đất ông S; phía tây giáp đất K; phía bắc giáp đất L; phía nam giáp đường bê tông đi vào đất K, L *(Có sơ đồ kèm theo).*

- Giao cho ông Đ được sở hữu toàn bộ nhà, vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất nói trên.

Đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất có tổng trị giá: 470.000.000đ *(Bốn trăm bảy mươi triệu đồng).* Ông Đ đã quản lý đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Đ có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai đất theo quy định.

2.2. Giao cho bà T được sở hữu số tiền: 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng) (Bà T đã quản lý).*

2.3. Ông Đ có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho bà T số tiền: **175.000.000đ *(Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).***

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Ông Đ, bà T không phải chịu án phí về tài sản chung.

Hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí: 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005966 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

5. Về chi phí định giá, thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí là 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)*, ông Đ, bà T, mỗi người phải chịu: 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng).* Bà T đã nộp tạm ứng số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* nên ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà T: 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ